BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 15/2018/TT-BKHCN	

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2018

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NA...
VĂN PHÒNG
VĂN BẢN ĐẾN Số:.....
Giờ:...../.....
Ngày:...../...../.....
Chuyển:.....

THÔNG TƯ

Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ và chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao được giao nhiệm vụ thống kê khoa học và công nghệ;

b) Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi là các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ);

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan.

2. Thông tư này không áp dụng đối với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 3. Chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ

1. Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ được quy định tại Phụ lục I; biểu mẫu và hướng dẫn điền biểu mẫu báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này gồm:

a) Biểu 01/KHCN-TC: Số tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Biểu 02/KHCN-NL: Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ;

c) Biểu 03/KHCN-CP: Chi cho khoa học và công nghệ;

d) Biểu 04/KHCN-NV: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

đ) Biểu 05/KHCN-HTQT: Hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ;

e) Biểu 06/KHCN-CG: Chuyển giao công nghệ;

g) Biểu 07/KHCN-DN: Doanh nghiệp và thị trường khoa học và công nghệ;

h) Biểu 08/KHCN-SHTT: Sở hữu trí tuệ;

i) Biểu 09/KHCN-TĐC: Tiêu chuẩn đo lường chất lượng;

k) Biểu 10/KHCN-NLAT: Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.

2. Đơn vị báo cáo

a) Đơn vị báo cáo là đối tượng áp dụng chế độ báo cáo thống kê quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đơn vị báo cáo được ghi tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm báo cáo ghi tên cơ quan, đơn vị vào vị trí này.

3. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị nhận báo cáo là Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Kỳ báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

a) Kỳ báo cáo là 01 (một) năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo;

b) Thời hạn các đơn vị gửi báo cáo đến Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất vào ngày 15 tháng 02 năm kế tiếp của năm báo cáo.

5. Hình thức gửi báo cáo

Báo cáo thống kê được thực hiện đồng thời bằng 02 (hai) hình thức bản giấy hoặc bản điện tử:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ báo cáo để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu;

b) Báo cáo bản điện tử hoặc bản điện tử có chữ ký số của thủ trưởng đơn vị báo cáo phải lưu giữ theo định dạng bảng tính Excel, sử dụng phông chữ tiếng Việt (Times New Roman) của bộ mã Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, không được đặt mật khẩu và gửi về địa chỉ thư điện tử thongke@vista.gov.vn.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ; tổng hợp số liệu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ và số liệu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ để thực hiện công bố, sử dụng và bảo mật thông tin thống kê theo quy định hiện hành; yêu cầu đơn vị báo cáo kiểm tra, cung cấp lại báo cáo và các thông tin liên quan đến báo cáo thống kê khi cần kiểm tra tính chính xác của số liệu báo cáo; phối hợp thanh tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ và các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực thống kê khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về thanh tra chuyên ngành thống kê.

b) Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức, thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo phân công quy định tại Thông tư này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao được giao nhiệm vụ thống kê khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đầu mối có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, chính xác và đúng nội dung thông tin được quy định trong chế độ báo cáo thống kê và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung báo cáo; nộp báo cáo đúng thời hạn quy định; kiểm tra, cung cấp lại báo cáo và các thông tin liên quan đến báo cáo thống kê khi có yêu cầu của đơn vị nhận báo cáo và gửi báo cáo theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 3 của Thông tư này.

4. Các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin để phục vụ tổng hợp chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

3. Thông tư số 25/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ và Thông tư số 26/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ áp dụng đối với Sở Khoa học và Công nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

4. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư Pháp);
- Công báo, Website Chính phủ; Website Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, TTKHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Thế Duy